TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 425/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30-3-2020
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Nhung
Ông Nguyễn Thành Thông

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trường An - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 30 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 619/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1007/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Mỹ D, sinh năm 1995.
Địa chỉ: Số 99 đường K, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Phan Trần Quan S, sinh năm 1982.
Địa chỉ: USA.

(Các đương sự đều có đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 22/10/2019 và Bản tự khai ngày 05/12/2019, nguyên đơn là bà Lê Thị Mỹ D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phan Trần Quan S đăng ký kết hôn vào ngày 01/8/2018 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 111 do Ủy ban nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cùng ngày. Trong thời gian sau khi ông Phan Trần Quan S trở về Mỹ, giữa ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vả, dù hai bên đã nhiều lần cố gắng hòa giải nhưng vẫn không thể cải thiện được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phan Trần Quan S.

Về con chung: Bà và ông Phan Trần Quan S không có con chung.

Về tài sản chung: Bà và ông Phan Trần Quan S không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà và ông Phan Trần Quan S không có nợ chung.

Theo Đơn đồng ý ly hôn, xin không hòa giải đoàn tụ và xin xét xử vắng mặt đã được Tổng Lãnh sự quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Houston, Texas, Hợp chúng quốc Hoa Kỳ chứng thực ngày 03/01/2020, bị đơn là ông Phan Trần Quan S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Lê Thị Mỹ D kết hôn vào năm 2018 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 111 ngày 01/08/2018 do Ủy ban nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Ông đã biết việc bà Lê Thị Mỹ D nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống, giữa ông và bà Lê Thị Mỹ D đã không thể có được sự thấu hiểu lẫn nhau do trở ngại về khoảng cách địa lý xa xôi. Vì vậy, ông đồng ý ly hôn với bà Lê Thị Mỹ D.

Về con chung: Ông và bà Lê Thị Mỹ D không có con chung.

Về tài sản chung: Ông và bà Lê Thị Mỹ D không có tài sản chung.

Về nợ chung: Ông và bà Lê Thị Mỹ D không có nợ chung.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn là bà Lê Thị Mỹ D và bị đơn là ông Phan Trần Quan S đều có đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngày 22/10/2019, bà Lê Thị Mỹ D có Đơn khởi kiện về việc ly hôn, yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận cho bà Lê Thị Mỹ D được ly hôn với ông Phan Trần Quan S. Do ông Phan Trần Quan S đang cư trú tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện nêu trên của bà Lê Thị Mỹ D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tố tụng:

Nguyên đơn là bà Lê Thị Mỹ D có Đơn xin vắng mặt đề ngày 25/02/2020, đồng thời bị đơn là ông Phan Trần Quan S cũng có Đơn đồng ý ly hôn, xin không hòa giải đoàn tụ và xin xét xử vắng mặt đã được Tổng Lãnh sự quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Houston, Texas, Hợp chúng quốc Hoa Kỳ chứng thực ngày 03/01/2020, nên căn cứ vào Khoản 4 Điều 207, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 và Điểm a Khoản 1 Điều 478 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà Lê Thị Mỹ D và ông Phan Trần Quan S có quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ vào các chứng cứ mà Tòa án thu thập được từ Bản tự khai ngày 05/12/2019 của bà Lê Thị Mỹ D và Đơn đồng ý ly hôn, xin không hòa giải đoàn tụ và xin xét xử vắng mặt của ông Phan Trần Quan S đã được Tổng Lãnh sự quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Houston, Texas, Hợp chúng quốc Hoa Kỳ chứng thực ngày 03/01/2020, hai bên thống nhất thuận tình ly hôn nên có cơ sở xác định rằng mục đích của hôn nhân

giữa bà Lê Thị Mỹ D và ông Phan Trần Quan S đã không đạt được. Do đó Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Mỹ D xin được ly hôn với ông Phan Trần Quan S.

Về con chung: Bà Lê Thị Mỹ D và ông Phan Trần Quan S đều trình bày là không có con chung, do đó Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Lê Thị Mỹ D và ông Phan Trần Quan S đều trình bày là không có tài sản chung, do đó Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà Lê Thị Mỹ D và ông Phan Trần Quan S đều trình bày là không có nợ chung, do đó Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không xem xét, giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Mỹ D là nguyên đơn có yêu cầu ly hôn nên căn cứ vào Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bà Lê Thị Mỹ D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điểm a Khoản 2 Điều 478 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2016;

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Lê Thị Mỹ D, cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Thị Mỹ D và ông Phan Trần Quan S thuận tình ly hôn. Quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Mỹ D và ông Phan Trần Quan S chấm dứt, Giấy chứng nhận kết hôn số 111 ngày 01/08/2018 do Ủy ban nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị pháp lý, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung:

Bà Lê Thị Mỹ D và ông Phan Trần Quan S đều trình bày là không có con chung, do đó Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung:

Bà Lê Thị Mỹ D và ông Phan Trần Quan S đều trình bày là không có tài sản chung, do đó Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung:

Bà Lê Thị Mỹ D và ông Phan Trần Quan S đều trình bày là không có nợ chung, do đó Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không xem xét, giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Mỹ D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà Lê Thị Mỹ D đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0045235 ngày 18/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê Thị Mỹ D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Về quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Mỹ D vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nên quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đối với bà Lê Thị Mỹ D là 15 ngày, kể từ ngày bà Lê Thị Mỹ D được tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Ông Phan Trần Quan S vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nên quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đối với ông Phan Trần Quan S là 01 tháng, kể từ ngày ông Phan Trần Quan S hoặc người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Trần Quan S là bà Lê Thị R, địa chỉ tại số 110 Lô A chung cư P, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh được tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND Quận M, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Mỹ Hạnh